

Ngày 12/06/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Nguyệt**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1 - **Ông Phạm Bá Xuân**

2 - **Bà Nguyễn Thị Thụy**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Nội tham gia phiên tòa:** **Ông Vũ Ngọc Khánh** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 360/2026/TLHS-ST ngày 02/06/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 606/2026/QĐXXST-HS ngày 02/06/2026 đối với bị cáo:

Đào Huy T – Sinh năm 1975; HKTT và nơi ở: Xóm Mới, **B, xã P, thành phố Hà Nội**; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Đào Huy D** (đã chết) và bà **Phạm Thị T1**, sinh năm 1955; Gia đình có 03 anh, chị, em, bị cáo là con thứ hai; Vợ **Phạm Thị S**, sinh năm 1983; Có 01 con sinh năm 2011. Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 42 ngày 10/01/2026 tại phân trại tạm giam **Đ – Công an thành phố H.**

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú ngày 09/01/2026. Tạm giam từ ngày 09/01/2026 đến ngày 28/05/2026. Ngày 28/05/2026, hủy bỏ biện pháp tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

* **Bị hại:** **Công ty Cổ phần Đ**; Địa chỉ : **Số B ngõ H phố Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội**; Đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Thế N** – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: **Ông Trần Đại L**; Chức vụ: Trưởng phòng tổng hợp.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Đào Mạnh N1**, sinh năm 1987; Địa chỉ : **TDP A đường T, phường Đ, Hà Nội** (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).
2. Ông **Dương Quốc T2** - sinh năm 1984; Địa chỉ : **Thôn V, phường T, tỉnh Hưng Yên** (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).
3. Bà **Phạm Thị S** - sinh năm 1983; Địa chỉ : **Xóm M, B, P, Hà Nội**. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 20/01/2016, ông **Nguyễn Hải S1** - Giám đốc **Công ty Cổ phần Đ** gửi đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an quận B** (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an thành phố H**) tố cáo **Đào Huy T** (Sinh năm 1975; Nơi cư trú: **Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên**) là Giám đốc **Công ty Cổ phần S2** có hành vi chiếm giữ trái phép số tiền 484.989.907 đồng do **Công ty Đ** chuyển nhầm tiền cho **Công ty Cổ phần S2** vào ngày 08/01/2016.

Quá trình điều tra do **Đào Huy T** bỏ trốn, ngày 23/12/2025 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định khởi tố bị can và Quyết định truy nã đối với **Đào Huy T**. Ngày 09/01/2026, **Đào Huy T** đến Cơ quan Công an đầu thú.

Quá trình điều tra xác định:

Công ty Cổ phần S2 máy vụ lắp máy **Vạn X** (gọi tắt là **Công ty S2**); Mã số thuế: 0105414431; Địa chỉ: **Số H ngõ I phố H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội** do **Đào Huy T** làm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; với vốn điều lệ 1.200.000.000 đồng, trong đó: **Đào Huy T** 60.000 cổ phần tương đương 50% vốn điều lệ; **Dương Quốc T2** 30.000 cổ phần tương đương 25% vốn điều lệ và **Đào Mạnh N1** 30.000 cổ phần tương đương 25% vốn điều lệ. **Dương Quốc T2** và **Đào Mạnh N1** là cổ đông do **Đào Huy T** nhờ đứng tên thành lập Công ty, mọi hoạt động quản lý và điều hành do **T** thực hiện.

Ngày 18/11/2015, **Công ty cổ phần Đ (Công ty Đ)** có ký Hợp đồng số 1811/2015/HĐ-XD với **Công ty Cổ phần S2** (Gọi tắt là **Công ty S2**; Mã số thuế 0105281781; địa chỉ trụ sở: **Số I tổ C phường M, quận C, thành phố Hà Nội**. Nay là **phường P, thành phố Hà Nội Hà Nội**), về việc sản xuất và thi công lắp đặt cửa sổ, cửa đi nhôm vách kính cho công trình chung cư cao tầng N07 khu di dân giải phóng mặt bằng, **phường D, quận C, Hà Nội**. Ngày 05/01/2016, **Công ty Đ** nhận được giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số tiền 984.989.907 đồng cho Hợp đồng số 1811/2015/HĐ-XD của **Công ty cổ phần S2** vào số tài khoản 0111035958009 mở tại **Ngân hàng TMCP A**. Ngày 08/01/2016, **Công ty Đ** đã lập phiếu Ủy nhiệm chi để chuyển số tiền 984.989.907 đồng từ số tài khoản 0021110677009 của **Công ty Đ** mở tại **Ngân hàng M** vào tài khoản của **Công ty S2**. Nhưng do sơ xuất, **Công ty Đ** đã chuyển nhầm số tiền 984.989.907 đồng sang số tài khoản 11524572901018 của **Công ty S2** mở tại **Ngân hàng thương mại cổ phần K** do **Đào Huy T** làm

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, nội dung Ủy nhiệm chi: Tạm ứng tiền lắp đặt cửa sổ của đi nhôm vách kính ct N07. Sau khi phát hiện việc chuyển nhầm tiền, Công ty Đ đã liên hệ với Đào Huy T để yêu cầu lấy lại số tiền 984.989.907 đồng đã chuyển nhầm. Mặc dù đã được thông báo việc chuyển nhầm tiền, nhưng ngày 08/01/2016 Đào Huy T lại đến Ngân hàng T3 - Phòng G, phường G để rút số tiền là 484.989.907 đồng và sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 11/01/2016, T tiếp tục rút số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản trả lại cho Công ty Đ.

Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu T trả lại số tiền còn thiếu nhưng T không trả. Đến ngày 15/01/2016, T viết cam kết, với nội dung: Ngày 09/01/2016 Công ty Đ có chuyển nhầm số tiền 984.989.907 đồng vào tài khoản số 11524572901018 của Công ty S2 mở tại Ngân hàng TMCP K. Ngày 11/01/2016, T đã chuyển trả lại số tiền 500.000.000 đồng. Thực cam kết sẽ hoàn trả lại số tiền thiếu của Công ty Đ là 484.989.907 đồng vào ngày 19/01/2016. Sau đó, T không thực hiện như đã hứa và lần tránh nên Công ty Đ đã làm đơn tố giác hành vi của Đào Huy T với Cơ quan điều tra.

Tại Cơ quan điều tra:

- Anh Trần Đại L (SN 1978; Nơi cư trú: 78 ngõ A T, Hà Nội) đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ trình bày: Đến ngày 11/3/2016, Đào Huy T trả thêm được 20.000.000 đồng và đưa tiền mặt 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 454.989.907 đồng, đến nay T không trả. Công ty Đ đã nhiều lần liên lạc, gọi điện cho T nhưng không được. Công ty Đ đề nghị Cơ quan điều tra xử lý Đào Huy T theo quy định của pháp luật, yêu cầu T hoàn trả số tiền 454.989.907 đồng còn chiếm đoạt.

- Đào Huy T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai số tiền T chiếm đoạt, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 09/01/2026, gia đình Đào Huy T đã tự nguyện khắc phục cho Công ty Đ số tiền 454.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Công ty Đ không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với anh Đào Mạnh N1 và Dương Quốc T2 - Cổ đông của Công ty S2: Quá trình điều tra xác định N1 và T2 chỉ được Thục nhờ đứng tên thành lập Công ty S2, mọi hoạt động quản lý, điều hành Công ty do Thục thực hiện. Việc T chiếm đoạt tiền của Công ty Đ, anh N1 và anh T2 không biết và không được hưởng lợi gì. Do đó, không có căn cứ xác định anh Đào Mạnh N1 và anh Dương Quốc T2 đồng phạm với Đào Huy T về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, xét là có căn cứ.

Tại cơ quan điều tra, Đào Huy T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 165/CT-VKS – HS ngày 29/05/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Nội truy tố bị cáo **Đào Huy T** về tội “ Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 176 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 2 Điều 176, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đào Huy T** từ 15 tháng(Mười lăm) đến 20(Hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 30 tháng (Ba mươi) đến 40 (Bốn mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Đào Huy T** cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Hà Nội, kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 09/01/2026, gia đình **Đào Huy T** đã tự nguyện khắc phục cho **Công ty Đ** số tiền 454.000.000 đồng. **Công ty Đ** đã nhận tiền và không có yêu cầu đề nghị gì khác về phần dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố H**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hành vi bị truy tố :

Lời khai nhận tội của bị cáo tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác và đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 08/01/2016, **Công ty cổ phần Đ** chuyển nhằm số tiền 984.989.907 đồng cho **Công ty Cổ phần S2** do **Đào Huy T** làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. **Đào Huy T** biết rõ việc **Công ty cổ phần Đ** chuyển

nhằm tiền vào tài khoản của Công ty mình, Công ty Đ yêu cầu trả lại tiền đã chuyển nhầm nhiều lần nhưng vẫn cố tình không trả với số tiền là 484.989.907 đồng để chi tiêu cá nhân.

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội truy tố bị cáo tội “ Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 2 Điều 176 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự ổn định xã hội, tạo dư luận bất bình đối với người bị hại và những người liên quan, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì háms lợi, mong muốn giữ được số tiền để phục vụ nhu cầu của bản thân nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã đầu thú, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, chưa có tiền án, tiền sự. Gia đình bị cáo có bố đẻ là thương binh và đại diện cho bị hại - Công ty cổ phần Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét bị cáo có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải xử phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách, cải tạo cũng đủ giúp bị cáo hoàn lương, đồng thời cũng để bị cáo có cơ hội lao động, khắc phục sai phạm và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự : Công ty cổ phần Đ đã nhận lại toàn bộ số tiền đã bị chiếm giữ và không có đề nghị gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đào Huy T phạm tội “ Chiếm giữ trái phép tài sản ”

Căn cứ khoản 2 Điều 176; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ Điều 136 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Đào Huy T** 20 (Hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 40 (Bốn mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Đào Huy T** cho **Ủy ban nhân dân xã P**, thành phố Hà Nội, kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự, thì tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của luật thi hành án

Về trách nhiệm dân sự: **Công ty cổ phần Đ** đã nhận lại toàn bộ số tiền chiếm giữ và không có đề nghị gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị N2

Nơi nhận:

- *TAND thành phố Hà Nội.*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- *VKSND khu vực 1 – Hà Nội.*
- *Công an thành phố Hà Nội.*
- *Thi hành án khu vực 1 – Hà Nội.*
- *UBND xã Phú Cát, Hà Nội.*
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Lưu HS.*

Vũ Thị Nguyệt